

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2001, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 08 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VNĐ.

Đến thời điểm 31/12/2010, Tập đoàn có đầu tư vào 06 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Trường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Lộc	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Đức	Thành viên HĐQT

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Hữu Mên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Minh Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

Họ tên

Chức danh

Ông Ngô Văn Lộc

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Tập đoàn, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ VĂN LỘC

Số: 11.132/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 29 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011


TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296.738.674.698	273.021.851.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.668.833.687	85.317.739.251
1. Tiền	111		6.011.693.883	10.836.064.736
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.657.139.804	74.481.674.515
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	25.000.000.000	47.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		25.000.000.000	47.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	83.474.182.613	25.577.673.645
1. Phải thu khách hàng	131		79.357.295.047	25.405.496.545
2. Trả trước cho người bán	132		4.213.672.691	445.795.785
3. Phải thu nội bộ	133		20.091.756	20.091.756
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.147.716.625	1.675.954.762
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.264.593.506)	(1.969.665.203)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	153.852.207.082	113.496.954.104
1. Hàng tồn kho	141		157.691.323.117	117.336.070.139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.839.116.035)	(3.839.116.035)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.743.451.316	1.629.484.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		428.544.170	305.571.232
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		520.453.293	715.766.459
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		33.841.853	68.579.547
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	760.612.000	539.566.900

(phần tiếp theo ở trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.424.939.932	110.312.242.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.692.911.938	24.069.342.039
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	20.570.477.848	20.125.776.036
+ Nguyên giá	222		26.586.734.615	30.395.068.308
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.016.256.767)	(10.269.292.272)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	39.125.000	10.625.000
+ Nguyên giá	228		270.821.000	234.821.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(231.696.000)	(224.196.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	83.309.090	3.932.941.003
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	32.527.495.163	30.028.151.824
+ Nguyên giá	241		54.483.792.858	50.346.320.657
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(21.956.297.695)	(20.318.168.833)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	78.216.374.028	54.277.121.215
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	1.038.495.215
3. Đầu tư dài hạn khác	258		90.057.840.694	59.714.626.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(11.841.466.666)	(6.476.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.988.158.803	1.937.627.136
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.627.739.842	762.042.654
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	1.360.418.961	1.166.784.482
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	8.800.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		431.163.614.630	383.334.093.352

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.980.310.376	98.406.476.782
I. Nợ ngắn hạn	310		110.898.367.546	94.982.373.894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	10.500.000.000	9.707.470.379
2. Phải trả người bán	312	5.13	864.015.619	9.378.862.014
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	13.900.971.384	2.364.306.270
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	12.102.976.817	3.240.687.442
5. Phải trả người lao động	315		-	1.278.835.156
6. Chi phí phải trả	316	5.15	3.039.255.000	3.172.428.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	62.764.559.832	61.627.791.672
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.17	7.726.588.894	4.211.992.961
II. Nợ dài hạn	330		14.081.942.830	3.424.102.888
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	3.812.998.140	3.234.486.188
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	151.071.246
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.19	10.268.944.690	38.545.454
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		294.397.256.624	280.901.027.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	294.397.256.624	280.901.027.210
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.702.262.153	5.571.063.274
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.655.655.264	9.901.522.678
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	573.544.371
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		30.153.606.089	27.969.163.769
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỘ ĐỒNG THIỂU SỘ	439	5.21	11.786.047.630	4.026.589.360
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		431.163.614.630	383.334.093.352

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		73.070.133	25.763.734
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		629.702.728	629.702.728
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		70.378,20	566.084,04
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG 

QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	130.558.217.571	182.773.500.778
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.187.105.000	4.280.737.102
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	129.371.112.571	178.492.763.676
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	61.451.495.723	124.260.944.326
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.919.616.848	54.231.819.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.479.076.522	18.900.057.670
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.858.243.257	407.854.260
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		204.705.711	397.609.834
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	765.380.304	1.711.645.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10.610.632.015	7.950.474.204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.164.437.794	63.061.902.700
11. Thu nhập khác	31	6.7	6.818.148.564	8.443.025.659
12. Chi phí khác	32	6.8	5.350.344.840	10.394.889.177
13. Lợi nhuận khác	40		1.467.803.724	(1.951.863.518)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	(3.049.178)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		61.632.241.518	61.106.990.004
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	16.179.207.680	14.975.057.083
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	(193.634.479)	(1.166.784.482)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		45.646.668.317	47.298.717.403
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		320.133.270	(242.608.457)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		45.326.535.047	47.541.325.860
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.20	3.210	3.636

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		104.537.925.688	153.412.258.163
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(78.441.914.433)	(50.594.671.126)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.155.897.378)	(12.033.380.125)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(187.011.266)	(277.752.975)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(14.714.861.236)	(20.867.832.358)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		32.780.814.476	66.999.319.225
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.233.649.604)	(82.424.986.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(5.414.593.753)	54.212.953.845
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(879.992.484)	(2.204.485.304)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.832.745.649	2.143.438.926
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(76.000.000.000)	(48.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		97.500.000.000	3.370.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(67.574.017.564)	(23.669.626.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.400.073.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.283.549.904	16.602.878.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.437.641.495)	(52.457.793.422)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.440.000.000	44.161.490.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.292.000.000	4.711.400.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22.499.470.379)	(15.652.275.276)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.064.679.800)	(16.574.722.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.832.150.179)	16.645.892.724
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(52.684.385.427)	18.401.053.147
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.317.739.251	66.597.314.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		35.479.863	319.371.260
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		32.668.833.687	85.317.739.251

KẾ TOÁN TRƯỞNG 



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2001, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 08 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VNĐ.

Công ty có đầu tư vào 06 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	360A Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
3.	Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	55%	55%
4.	Công ty TNHH DV Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	56 Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	51%	51%
5.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	360B Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
6.	Công ty CP Dịch vụ Thương Mại Khánh Hội	72 – 74 Nguyễn Tất Thành, P12, Quận 4, Tp. HCM	55%	55%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc thiết bị	07 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 năm
+ Phần mềm máy tính	05 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà	48 năm
+ Nhà và quyền sử dụng đất	02 - 52 năm
+ Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chuyển quyền sử dụng đất và hoạt động kinh doanh khác.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Nợ ngắn hạn		
Người mua trả tiền trước	-	38.545.454
Nợ dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện	38.545.454	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.211.992.961
Nợ ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.211.992.961	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	809.243.629	400.020.079
Tiền gửi ngân hàng	5.202.450.254	10.436.044.657
Các khoản tương đương tiền	26.657.139.804	74.481.674.515
Tổng cộng	32.668.833.687	85.317.739.251

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác	25.000.000.000	47.000.000.000
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000	47.000.000.000

Đầu tư ngắn hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	47.000.000.000
Cộng	25.000.000.000	47.000.000.000

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	79.357.295.047	25.405.496.545
Trả trước cho người bán	4.213.672.691	445.795.785
Phải thu nội bộ ngắn hạn	20.091.756	20.091.756
Các khoản phải thu khác	2.147.716.625	1.675.954.762
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	85.738.776.119	27.547.338.848
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.264.593.506)	(1.969.665.203)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	83.474.182.613	25.577.673.645

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH2	9.729.650.305	12.218.483.418
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH3	37.259.685.205	-
Phải thu về cho thuê mặt bằng và điện nước chi hộ	8.288.988.944	420.087.473
Phải thu hoạt động bán văn phòng	20.716.408.122	5.088.461.344
Phải thu tiền hàng gỗ	1.429.243.639	6.454.104.321
Phải thu hoạt động kinh doanh dịch vụ	274.564.418	-
Phải thu khác	1.658.754.414	1.224.359.989
Cộng	79.357.295.047	25.405.496.545

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu cổ tức từ đầu tư dài hạn	78.495.215	117.500.000
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	772.746.158	590.449.400
Phải thu tiền phí sử dụng vốn đầu tư	149.466.227	413.556.966
Phải thu khác	1.147.009.025	554.448.396
Cộng	2.147.716.625	1.675.954.762

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	-	6.369.110.046
Công cụ, dụng cụ	-	10.520.115
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	146.836.933.361	107.829.464.351
Thành phẩm	422.696.074	2.975.167.822
Hàng hóa	7.435.495.682	151.807.805
Hàng hóa bất động sản	2.996.198.000	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	157.691.323.117	117.336.070.139
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.839.116.035)	(3.839.116.035)
Giá trị thuần có thể thực hiện	153.852.207.082	113.496.954.104

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản giảm giá mặt hàng gỗ tồn kho lâu năm, chậm luân chuyển.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	351.680.000
Tạm ứng	760.612.000	187.886.900
Tổng cộng	760.612.000	539.566.900

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	17.797	8.289	2.570	1.039	700	30.395
Mua trong năm	1.798	34	-	467	309	2.608
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.189	-	-	-	-	1.189
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(595)	-	-	-	-	(595)
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.593)	-	(242)	(175)	(7.010)
Số dư cuối năm	20.189	1.730	2.570	1.264	834	26.587
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.887	5.965	331	443	643	10.269
Khấu hao trong năm	591	384	266	233	29	1.503
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(380)	-	-	-	-	(380)
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.978)	-	(223)	(175)	(5.376)
Số dư cuối năm	3.098	1.371	597	453	497	6.016
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.910	2.324	2.239	596	57	20.126
Tại ngày cuối năm	17.091	359	1.973	811	337	20.571

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.508.582.645 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	234.821.000	234.821.000
Mua trong năm	36.000.000	36.000.000
Số dư cuối năm	270.821.000	270.821.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	224.196.000	224.196.000
Khấu hao trong năm	7.500.000	7.500.000
Số dư cuối năm	231.696.000	231.696.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	10.625.000	10.625.000
Tại ngày cuối năm	39.125.000	39.125.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Văn phòng làm việc Công ty CP XNK Khánh Hội	-	859.759.360
Công trình Văn phòng làm việc Công ty CP TVTK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	-	3.073.181.643
Công trình Căn tin Chung cư Khánh Hội 2	83.309.090	-
Tổng cộng	83.309.090	3.932.941.003

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.230.856.000	31.813.854.241	14.301.610.416	50.346.320.657
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.314.761.382	1.503.380.945	3.818.142.327
Chuyển từ TSCĐ HH sang	-	595.298.788	-	595.298.788
Tăng khác	-	67.347.632	-	67.347.632
Thanh lý, nhượng bán	-	(343.316.546)	-	(343.316.546)
Số dư cuối năm	4.230.856.000	34.447.945.497	15.804.991.361	54.483.792.858
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	374.607.036	19.317.822.769	625.739.028	20.318.168.833
Khấu hao trong năm	36.726.180	1.454.769.169	110.156.337	1.601.651.686
Chuyển từ TSCĐ HH sang	-	379.793.722	-	379.793.722
Tăng khác	22.035.708	-	-	22.035.708
Thanh lý, nhượng bán	-	(343.316.546)	-	(343.316.546)
Giảm khác	-	-	(22.035.708)	(22.035.708)
Số dư cuối năm	433.368.924	20.809.069.114	713.859.657	21.956.297.695
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.856.248.964	12.496.031.472	13.675.871.388	30.028.151.824
Tại ngày cuối năm	3.797.487.076	13.638.876.383	15.091.131.704	32.527.495.163

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	-	1.038.495.215
Đầu tư dài hạn khác	90.057.840.694	59.714.626.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	90.057.840.694	60.753.121.215
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(11.841.466.666)	(6.476.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	78.216.374.028	54.277.121.215

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	1.647.420	38.712.366.666	1.273.750	36.270.000.000
Đầu tư trái phiếu	3.375	337.500.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	51.007.974.028	-	23.444.626.000
Cộng		90.057.840.694		59.714.626.000

Lý do thay đổi với các khoản đầu tư vào loại cổ phiếu:

- Về số lượng: tăng 373.670 cổ phiếu, do trong kỳ chuyển nhượng 44.080 cổ phiếu Công ty CP Đầu Tư Phát Triển TM Củ Chi; đầu tư thêm 50.000 cổ phiếu Công ty CP TM Phú Nhuận, 267.750 cổ phiếu Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông; kết chuyển 100.000 cổ phiếu Công ty CP Sàn BĐS Bến Thành từ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sang đầu tư dài hạn khác.
- Về giá trị: tăng 2.442.366.666 đồng, do giảm giá trị đầu tư Công ty CP Đầu Tư Phát Triển TM Củ Chi 1.910.133.334 đồng; tăng giá trị đầu tư Công ty CP TM Phú Nhuận 600.000.000 đồng, Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông 2.677.500.000 đồng, Công ty CP DV Du lịch Bến Thành Long Hải 75.000.000 đồng; kết chuyển Công ty CP Sàn BĐS Bến Thành từ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sang đầu tư dài hạn khác trị giá 1.000.000.000 đồng.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án đầu tư Trung tâm TM-DV và Căn hộ - TITCO PLAZA	1.450.000.000	900.000.000
Dự án Xuân Thới Đông Hóc Môn	30.034.049.568	22.544.626.000
Dự án Chung cư Khánh Hội 3	19.523.924.460	-
Tổng cộng	51.007.974.028	23.444.626.000

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Số dư đầu năm	762.042.654	241.362.670
Tăng trong năm	1.378.878.405	980.666.695
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(513.181.217)	(459.986.711)
Số dư cuối năm	1.627.739.842	762.042.654

5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	10.000.000.000	9.707.470.379
Vay đối tượng khác	500.000.000	-
Tổng cộng	10.500.000.000	9.707.470.379

Khoản vay ngân hàng Ngoại thương Việt Nam mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, được bảo đảm bằng tiền trong tài khoản tiền gửi và chịu lãi suất vay áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay theo từng Giấy nhận nợ đối với VND.

Vay đối tượng khác là khoản vay Công đoàn Công ty với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, được bảo đảm dưới hình thức tín chấp, chịu lãi suất 13%/năm đối với VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	864.015.619	9.378.862.014
Người mua trả tiền trước	13.900.971.384	2.364.306.270
Tổng cộng	14.764.987.003	11.743.168.284

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả về bảo hành hạng mục công trình và chi phí xây dựng công trình	529.247.588	5.821.014.185
Phải trả về mua nguyên vật liệu	208.997.114	3.467.287.922
Phải trả khác	125.770.917	90.559.907
Cộng	864.015.619	9.378.862.014

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.574.706.945	217.618.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	8.524.552.725	3.009.362.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển QSDĐ	116.865.054	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (2% doanh thu nhận trước)	202.804.812	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.754.856	13.706.384
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	622.292.425	-
Tổng cộng	12.102.976.817	3.240.687.442

5.15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí hỗ trợ bồi thường tái định cư	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí phải trả khác	39.255.000	172.428.000
Tổng cộng	3.039.255.000	3.172.428.000

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	99.451.339
Kinh phí công đoàn	26.541.143	5.580.687
Bảo hiểm xã hội	14.959.528	5.288.640
Bảo hiểm y tế	938.898	46.211.989
Bảo hiểm thất nghiệp	589.176	462.148
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.716.031.087	61.470.796.869
Tổng cộng	62.764.559.832	61.627.791.672

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền nhận góp vốn dự án cao ốc 56 Bến Vân Đồn	48.808.999.142	37.652.495.238
Tiền nhận góp vốn dự án Chung cư Khánh Hội 4 - Hóc Môn	6.809.925.000	6.809.925.000
Cổ tức phải trả	-	9.884.216.300
Thu 2% bảo trì căn hộ	6.129.281.855	6.737.461.833
Phải trả khác	967.825.090	386.698.498
Tổng cộng	62.716.031.087	61.470.796.869
5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.211.992.961	1.819.431.545
Trích lập trong năm	5.704.959.103	3.842.775.972
Tăng khác	504.208.871	21.660.000
Sử dụng trong năm	(2.694.572.041)	(1.451.619.559)
Giảm khác	-	(20.254.997)
Số dư cuối năm	7.726.588.894	4.211.992.961
5.18. Phải trả dài hạn khác		
Đây là khoản nhận đặt cọc thuê mặt bằng Chung cư Khánh Hội.		
5.19. Doanh thu chưa thực hiện		
	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng trả trước về cho thuê tài sản	54.513.182	38.545.454
Doanh thu tiền nhà chưa thực hiện	10.140.240.600	-
Doanh thu chưa thực hiện khác	74.190.908	-
Tổng cộng	10.268.944.690	38.545.454

(Phần tiếp theo ở trang 23)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Vốn chủ sở hữu

5.20.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	141.203.090.000	76.112.884.867	(22.235.231.031)	7.897.339.583	19.225.208.534	222.203.291.953
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	47.541.325.860	47.541.325.860
Tăng do bán cổ phiếu quỹ	-	19.569.758.251	22.235.231.031	-	-	41.804.989.282
Trích quỹ	-	-	-	8.454.107.137	(8.454.107.137)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.458.938.300)	(26.458.938.300)
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(3.842.775.972)	(3.842.775.972)
Giảm khác	-	-	-	(305.316.397)	(41.549.216)	(346.865.613)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	-	16.046.130.323	27.969.163.769	280.901.027.210
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	45.326.535.047	45.326.535.047
Tăng khác	-	-	-	-	1.745.615.174	1.745.615.174
Trích quỹ	-	-	-	11.885.331.465	(17.590.290.567)	(5.704.959.102)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.180.463.500)	(21.180.463.500)
Giảm khác	-	-	-	(573.544.371)	(6.116.953.834)	(6.690.498.205)
Số dư cuối năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	-	27.357.917.417	30.153.606.089	294.397.256.624

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	35.282.870.000	27.697.470.000
Vốn góp của các đối tượng khác	105.920.220.000	113.505.620.000
Tổng cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.20.3 Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	14.120.309	14.120.309
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.20.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	45.326.535.047	47.541.325.860
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	14.120.309	13.074.893
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.210	3.636

5.21 Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.026.589.360	-
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	7.440.000.000	4.500.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	319.458.270	(473.410.640)
Số dư cuối năm	11.786.047.630	4.026.589.360

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất		
6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	87.864.059.496	150.326.157.762
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.732.719.731	4.265.725.561
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	19.842.716.967	10.709.765.455
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	14.118.721.377	17.471.852.000
Hàng bán bị trả lại	(1.187.105.000)	(4.280.737.102)
Doanh thu thuần	129.371.112.571	178.492.763.676
6.2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	37.530.108.553	100.582.762.655
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.717.022.634	4.275.004.100
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.571.348.024	2.812.077.201
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	13.633.016.512	15.171.863.665
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.419.236.705
Tổng cộng	61.451.495.723	124.260.944.326
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.219.407.116	8.930.586.359
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	842.274.514	2.594.844.120
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	428.834.153	64.681.170
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.174.453	221.896.287
Lãi bán hàng trả chậm	987.386.286	970.965.208
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	-	6.114.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.084.526
Tổng cộng	10.479.076.522	18.900.057.670
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	204.705.711	397.609.834
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	512.160.454	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.510.096	10.244.426
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	5.365.466.666	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	749.400.330	-
Tổng cộng	6.858.243.257	407.854.260

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

		Năm nay	Năm trước
6.5.	Chi phí bán hàng		
	Chi phí nhân viên	183.379.875	153.090.901
	Chi phí vật liệu bao bì	345.984.034	990.362.703
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.454.133	568.192.252
	Chi phí bằng tiền khác	33.562.262	-
	Tổng cộng	765.380.304	1.711.645.856
6.6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí nhân viên quản lý	4.851.875.390	3.591.459.412
	Chi phí đồ dùng văn phòng	368.959.836	255.321.115
	Chi phí khấu hao TSCĐ	425.101.245	149.223.055
	Thuế, phí và lệ phí	348.970.208	110.734.297
	Chi phí dự phòng	294.928.303	601.270.000
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.568.309	756.276.976
	Chi phí bằng tiền khác	3.335.228.724	1.928.645.349
	Chi phí phân bổ	-	557.544.000
	Tổng cộng	10.610.632.015	7.950.474.204
6.7.	Thu nhập khác		
	Thu tiền phạt, tiền bồi thường	19.247.873	-
	Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.783.992.320	3.883.171.893
	Thu nhập khác	4.014.908.371	4.559.853.766
	Tổng cộng	6.818.148.564	8.443.025.659
6.8.	Chi phí khác		
	Tiền phạt, tiền bồi thường	-	31.180.908
	Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.719.745.944	4.858.483.090
	Chi phí khác	3.630.598.896	5.505.225.179
	Tổng cộng	5.350.344.840	10.394.889.177
6.9.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	15.973.685.117	14.975.057.083
	Chi phí thuế thu nhập tạm nộp 2%	202.804.812	-
	Chi phí thuế thu nhập bổ sung của các năm trước	2.717.751	-
	Tổng cộng	16.179.207.680	14.975.057.083

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm được trình bày như sau:

	Khấu hao TSCĐ	Hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	(1.166.784.482)	-	(1.166.784.482)
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay	21.391.049	(215.025.528)	(193.634.479)
Số dư cuối năm	(1.145.393.433)	(215.025.528)	(1.360.418.961)

Tài sản TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại phát sinh từ giao dịch nội bộ	1.360.418.961	1.166.784.482

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản (bán căn hộ chung cư, văn phòng, cho thuê mặt bằng chung cư)
- Sản xuất chế biến lâm sản
- Dịch vụ giáo dục mầm non
- Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng
- Dịch vụ môi giới bất động sản
- Mua bán vật liệu xây dựng
- Dịch vụ chung cư
- Hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

	Kinh doanh bất động sản	Sản xuất chế biến lâm sản	Giáo dục mầm non	Tư vấn thiết kế xây dựng	Môi giới bất động sản	Mua bán vật liệu xây dựng	Dịch vụ chung cư	Đơn vị tính: triệu đồng	
								Khác	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	113.411	10.608	3.989	1.839	169	308	234	-	130.558
Tổng cộng	113.411	10.608	3.989	1.839	169	308	234	-	130.558
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	64.771	626	1.174	979	168	42	159	-	67.919
Chi phí bán hàng	(31)	(499)	-	-	(235)	-	-	-	(765)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.631)	(1.500)	(1.128)	(677)	(347)	(213)	(114)	-	(10.610)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	-	-	10.479	10.479
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(6.858)	(6.858)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	6.818	6.818
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.350)	(5.350)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	58.109	(1.373)	46	302	(414)	(171)	45	5.089	61.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(16.179)
Thuế thu nhập hoãn lại									193
Lợi nhuận sau thuế									45.647
Lợi ích cổ đông thiểu số									(320)
Lợi nhuận thuần									45.327

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	395.000.000	250.600.000
Lương Tổng Giám đốc	330.785.678	150.409.549
Lương các nhân viên chủ chốt khác	611.808.357	401.772.901
Tổng cộng	1.337.594.035	802.782.450

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 01 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH



NGÔ VĂN LỘC